

Cơ chế chính sách khuyến khích áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp

○ PGS.TS. NGUYỄN THẾ CHINH

Phó Viện trưởng Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường.

Sản xuất sạch hơn (SXSH) là biện pháp hữu hiệu được áp dụng trong hoạt động sản xuất công nghiệp ở nhiều quốc gia trên thế giới, nhất là đối với các nước đang phát triển còn tồn tại trình độ công nghệ sản xuất thấp, hoạt động sản xuất sử dụng lãng phí nguồn tài nguyên và gây ONMT. Áp dụng SXSH sẽ đạt được hai mục tiêu không chỉ mang lại hiệu quả kinh tế mà còn giảm thiểu chất thải gây ONMT, tiết kiệm tài nguyên.

Ở Việt Nam, từ năm 2009 việc triển khai SXSH trong công nghiệp đã trở thành chính sách khuyến khích thực sự sau Quyết định số 1419/2009/QĐ-TTg, ngày 07/9/2009 phê duyệt về "Chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp đến năm 2020", cùng với đó có nhiều cơ chế chính sách khác đã được áp dụng và triển khai cho đến nay.

Cơ chế, chính sách liên quan đến sản xuất sạch hơn

Từ nhận thức đến hành động về SXSH, nhằm khuyến khích áp dụng biện pháp SXSH trong công nghiệp, trên cơ sở quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính Phủ định hướng SXSH đến năm 2020 tại Quyết định số 1419/QĐ-TTg, việc triển khai thực hiện chiến lược này gồm năm dự án thành phần: (1) Nâng cao nhận thức và năng lực áp dụng SXSH trong công nghiệp, (2) Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu và trang thông tin điện tử, (3) Hỗ trợ kỹ thuật về áp dụng SXSH tại các cơ sở sản xuất công nghiệp, (4) Hoàn thiện mạng lưới các tổ chức hỗ trợ SXSH trong công nghiệp và (5) Hoàn thiện các cơ chế, chính sách về tài chính

thúc đẩy áp dụng SXSH trong công nghiệp. Trong năm đề án triển khai, bốn đề án đầu do Bộ Công Thương chủ trì, đề án thứ năm do Bộ Tài chính đảm nhiệm với sự phối hợp của Bộ Công Thương, các bộ, ngành, địa phương liên quan khác. Tuy nhiên, so với yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, việc triển khai xây dựng các đề án chậm, cụ thể đối với bốn đề án do Bộ Công Thương chủ trì, thực tế đến giữa năm 2013 mới có quyết định phê duyệt triển khai thực hiện theo Quyết định số 4135/QĐ-BCT ngày 21/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, còn đề án thứ năm đến cuối năm 2012 mới ban hành theo Thông tư liên tịch số 221/TTLT-BTC-BCT ngày 25/12/2012 của Bộ Tài

Chính và Bộ Công Thương "về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện chiến lược SXSH trong công nghiệp đến năm 2020", đây là qui định hướng dẫn thực hiện chính sách tài chính của Nhà nước nhằm khuyến khích SXSH đối với sản xuất công nghiệp.

Trong số năm đề án triển khai đã được phê duyệt, xét về cơ chế chính sách của Nhà nước khuyến khích hoạt động SXSH trong công nghiệp, đáng lưu ý chính là đề án thứ ba "Hỗ trợ kỹ thuật về áp dụng SXSH tại các cơ sở sản xuất công nghiệp", thực tế trong hoạt động sản xuất công nghiệp đã tiến hành áp dụng hỗ trợ này cho SXSH. Tuy nhiên, sự hạn chế của hình thức hỗ trợ này là nguồn kinh phí đáp ứng

so với nhu cầu thực tiễn còn thiếu nhiều và không kịp thời, phạm vi áp dụng rộng, thời gian tính đến năm 2020 là quá ngắn để triển khai thực hiện hiệu quả.

Đối với các quỹ cung cấp tín dụng của Nhà nước và ưu đãi liên quan đến SXSH, có các loại quỹ như: Quỹ BVMT, Quỹ hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, Quỹ phát triển KH&CN. Các nguồn tài chính từ các quỹ này chủ yếu được cấp từ ngân sách của Nhà nước, trong đó một số quỹ được bổ sung thường xuyên từ các nguồn thu trích lại của thuế/phí như Quỹ BVMT. Với nguyên tắc hoạt động của quỹ là bảo toàn vốn, do vậy rất phù hợp với các dự án SXSH nếu vay từ các quỹ này. Thực tiễn những năm qua một số cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng biện pháp SXSH đã tiếp cận các nguồn quỹ khác nhau, không chỉ là quỹ nhà nước thuộc trung ương quản lý mà còn có các quỹ địa phương, như ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

Bên cạnh những chính sách khuyến khích trực tiếp và những cơ chế tài chính đối với áp dụng SXSH trong công nghiệp, những chính sách liên quan khác có thể kể đến như: "Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030" đã được Thủ tướng Chính phủ ký phê duyệt tại quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05/9/2012. Trong Chiến lược này, đáng chú ý để "phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ONMT", nội dung chiến lược đã chỉ rõ "khuyến khích áp dụng mô hình QLMT theo tiêu chuẩn ISO 14000, SXSH, kiểm toán chất thải, đánh giá vòng đời sản phẩm, các mô hình QLMT tiên tiến trong sản

xuất, kinh doanh". Như vậy, SXSH là một trong những nội dung cơ bản được khuyến khích ưu tiên trong hoạt động sản xuất công nghiệp. Về qui định pháp luật, đáng chú ý với việc sửa đổi, bổ sung Luật BVMT năm 2005, tại Kỳ họp thứ 7, Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam đã thông qua Luật BVMT năm 2014, số 55/2014/QH13, với những hoạt động BVMT khuyến khích nêu ra tại điều 6 trong các khoản (1) Bảo vệ, sử dụng hợp lý và tiết kiệm TNTN và (2) Giảm thiểu, thu gom, tái sử dụng và tái chế chất thải, là những cơ chế thúc đẩy hoạt động SXSH trong công nghiệp, phù hợp với việc thúc đẩy các biện pháp thực hiện SXSH trong công nghiệp.

Những cơ chế chính sách khác của nhà nước có ảnh hưởng, thúc đẩy và khuyến khích việc thực hiện các biện pháp SXSH trong công nghiệp như: "Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh" đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1393/QĐ-TTg, trong đó, đáng lưu ý là giai đoạn 2011- 2020 Việt Nam sẽ giảm cường độ phát thải khí nhà kính 8-10% so với mức 2010, giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP 1-1,5% mỗi năm. Việc thực hiện biện pháp SXSH trong công nghiệp sẽ rất phù hợp với mục tiêu và nội dung thực hiện của Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, do vậy sẽ có những chính sách khuyến khích để doanh nghiệp công nghiệp tham gia. Một chính sách khác cũng có tác dụng thúc đẩy các biện pháp SXSH trong công nghiệp đó là "Chiến lược sử dụng công nghệ sạch giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030", với

Chiến lược này liên quan đến SXSH trong công nghiệp để đạt ra mục tiêu đến năm 2020 có "60-70% cơ sở sản xuất đang hoạt động" sử dụng nhiều năng lượng có khả năng gây ONMT nghiêm trọng như: Dệt nhuộm, sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu, luyện thép, khai thác chế biến khoáng sản, nhiệt điện, sản xuất giấy, sản xuất xi măng và sản xuất mía đường phải xây dựng, thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ theo hướng sử dụng công nghệ sạch; đến năm 2030, 100% các cơ sở sản xuất trong toàn ngành công nghiệp phải áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ sạch. Như vậy, với những mục tiêu Chiến lược cụ thể này đặt ra sẽ thúc đẩy và khuyến khích việc áp dụng biện pháp SXSH trong các ngành công nghiệp thuộc các lĩnh vực nêu trên và cho toàn ngành công nghiệp. Chính sách có tính tổng thể bao trùm hơn cũng có ý nghĩa khuyến khích Biện pháp SXSH trong sản xuất công nghiệp đó là "Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020" đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 432/QĐ-TTg, đáng lưu ý trong chiến lược này đã chỉ rõ nhằm "thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững: Đẩy mạnh áp dụng rộng rãi SXSH để nâng cao hiệu quả sử dụng TNTN, nguyên vật liệu, năng lượng, nước, đồng thời giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, bảo vệ chất lượng môi trường, sức khỏe con người, đảm bảo phát triển bền vững". Như vậy, chiến lược phát triển bền vững đã khẳng định, để sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2011-2020 trong bối cảnh cụ thể

của nước ta, việc đẩy mạnh áp dụng SXSH có tính chất bắt buộc và phù hợp với xu thế của thời đại không chỉ sử dụng hiệu quả TNTN, giảm thiểu chất thải ra môi trường mà còn bảo đảm sức khỏe cho người dân và nâng cao chất lượng môi trường sống. Đây là cơ hội tốt để đẩy mạnh hơn nữa áp dụng các biện pháp SXSH trong công nghiệp.

Từ những văn bản đã nêu có tính pháp lý và những chiến lược liên quan đến định hướng cho SXSH trong công nghiệp cho thấy, giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn 2030, việc áp dụng các biện pháp SXSH trong công nghiệp sẽ tiếp tục được khuyến khích và ưu tiên trong lộ trình phát triển công nghiệp của Việt Nam.

Một số mô hình, doanh nghiệp điển hình

Kể từ khi triển khai áp dụng SXSH ở Việt Nam, một số doanh nghiệp đạt hiệu quả trên các ngành, lĩnh vực có thể làm cơ sở xem xét để tổng kết rút kinh nghiệm, từ đó có những sự điều chỉnh về mặt chính sách nhằm khuyến khích nhiều hơn các doanh nghiệp áp dụng các biện pháp SXSH cho giai đoạn tiếp theo đến năm 2020 và tầm nhìn 2030. Những ngành và doanh nghiệp điển hình sau đây có thể được xem là các doanh nghiệp điển hình thời gian qua áp dụng hiệu quả SXSH tại doanh nghiệp mình.

Ngành sản xuất giấy và bột giấy

Điển hình có công ty Cổ phần Giấy xuất khẩu Thái Nguyên: Sản phẩm của Công ty là sản xuất giấy vàng mã xuất khẩu sang Đài Loan, nguyên liệu sử dụng sản xuất chủ yếu từ gỗ, tre, nứa. Công

suất hằng năm đạt 6.500 tấn/năm. Tổng số cán bộ/nhân viên của công ty là 200 người. Công ty này đã thực hiện một số biện pháp SXSH và kết quả đạt được như sau.

Về lợi ích kinh tế: Đối với các giải pháp chi phí thấp, nếu đầu tư 57 triệu VNĐ, thì lợi ích thu về 616 triệu VNĐ/năm. Trường hợp đầu tư lớn, giải pháp đầu tư ở mức 2,5 tỷ VNĐ, lợi ích thu về sẽ là 1,5 tỷ VNĐ/năm

Lợi ích môi trường: Theo tính toán do áp dụng các biện pháp SXSH, Công ty đã giảm phát thải khí nhà kính 125 tấn CO₂/năm; giảm nước thải 114.400 m³/năm; giảm phát thải bụi 5,19 tấn/năm.

Tổng số giải pháp thực hiện: 29 giải pháp đã thực hiện, trong đó số lượng giải pháp quản lý nội vi chiếm tỷ lệ cao nhất là 19, thứ đến là các giải pháp thay đổi thiết bị có 4 giải pháp.

Ngành sản xuất bia - rượu

Doanh nghiệp điển hình của ngành rượu bia áp dụng biện pháp SXSH là công ty Cổ phần bia rượu Sài Gòn - Đồng Xuân: Sản phẩm sản xuất chính của Công ty là bia, rượu, cồn. Công suất nhà máy sản xuất hằng năm đạt 30 triệu lít bia/năm, 1,5 triệu lít cồn/năm & 3 triệu chai rượu/năm. Tổng số cán bộ/nhân viên của công ty là 310 người. Nhờ áp dụng các biện pháp SXSH, công ty đã đạt được một số kết quả như sau.

Lợi ích kinh tế: Đối với các giải pháp chi phí thấp, nếu mức đầu tư 78,5 triệu VNĐ thì lợi ích thu về 523,75 triệu VNĐ/năm. Đối với các giải pháp đầu tư lớn, nếu chi phí bỏ ra 1,9 tỷ VNĐ thì lợi ích thu về 2,3 tỷ VNĐ/năm.

Lợi ích môi trường: Những lợi ích cụ thể bao gồm giảm tiêu thụ nước & nước thải 558.900 m³/năm, giảm phát thải khí nhà kính 238 tấn CO₂/năm, giảm phát thải bụi 75 tấn/năm

Tổng số biện pháp thực hiện SXSH: 17 gồm quản lý nội vi, kiểm soát/thay đổi quá trình, thay đổi thiết bị, thay đổi công nghệ, tái tuần hoàn và tái sử dụng.

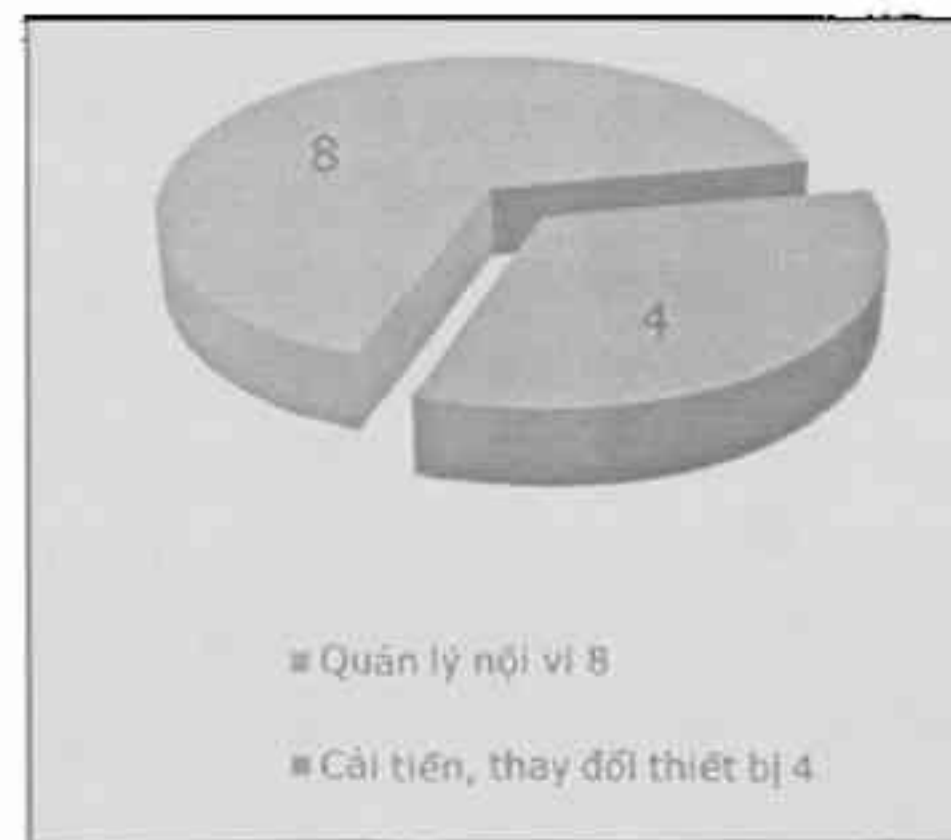
Ngành dệt may

Doanh nghiệp điển hình trong ngành dệt may là Công ty TNHH sản xuất và thương mại Nam Hưng: Sản phẩm sản xuất của công ty bao gồm vải tẩy trắng, vải nhuộm (sợi canh đã hồ và một số loại vải cotton làng nghề). Sản lượng sản xuất hàng năm đạt 1,1 triệu mét vải/năm. Tổng số cán bộ/nhân viên của công ty là 20 người. Việc áp dụng các biện pháp SXSH đã mang lại những lợi ích sau.

Lợi ích kinh tế: Nếu thực hiện các giải pháp chi phí thấp, mức đầu tư là 32,3 triệu VNĐ thì lợi ích có được là 69,4 triệu VNĐ/năm.

Lợi ích môi trường: Giảm phát thải khí nhà kính 136,2 tấn CO₂/năm nhờ giảm tiêu thụ điện năng và củi. Cải thiện điều kiện làm việc của người lao động.

Tổng số các biện pháp thực hiện SXSH là 12, trong đó chủ



yếu là quản lý nội vi có tới 8 giải pháp.

Ngoài ba nhóm ngành có các doanh nghiệp điển hình như đã nêu ở trên, những ngành, lĩnh vực đã thực hiện các biện pháp SXSH trong thời gian vừa qua như: Ngành chế biến thủy sản, sản xuất xi măng, ngành thép và luyện kim, ngành gia công kim loại, ngành tinh bột sắn, ngành chế biến chè, ngành sản xuất đường, chế biến mủ cao su và sản xuất bột đá. Trong mỗi ngành đã xuất hiện các doanh nghiệp áp dụng các biện pháp SXSH đạt hiệu quả.

Giải pháp thực hiện áp dụng sản xuất sạch hơn

Để đẩy mạnh áp dụng SXSH trong công nghiệp, thực hiện hiệu quả chiến lược SXSH trong công nghiệp đến năm 2020 theo Quyết định số 1419, ngoài những cơ chế chính sách đã được ban hành mới đây kể từ sau năm 2009 đến nay như đã đề cập ở trên gồm có Chiến lược BVMT, Chiến lược tăng trưởng xanh, Chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2011-2020, Luật BVMT năm 2014 bắt đầu có hiệu lực ngày 1/1/2015 và một số cơ chế tài chính như các nguồn quỹ khác nhau. Một số kiến nghị giải pháp sau đây cần được đẩy mạnh cho thực hiện áp dụng các biện pháp SXSH.

Thứ nhất, xem xét đánh giá và rà soát lại năm đề án đã ban hành để tìm ra những vướng mắc trong quá trình thực hiện, có sự điều chỉnh kịp thời, nhất là đề án thứ ba "hỗ trợ kỹ thuật về áp dụng SXSH tại các cơ sở sản xuất công nghiệp" và nguồn tài chính cho thực hiện đề án.

Thứ hai, xem xét đánh giá lại những ưu đãi khuyến khích đã có đối với hoạt động SXSH trong công nghiệp, từ đó có những giải pháp cụ thể và hiệu quả để hỗ trợ doanh nghiệp trong việc chuyển giao công nghệ, nhất là đổi mới công nghệ trong sản xuất công nghiệp, công nghệ giảm thiểu ô nhiễm, sử dụng hiệu quả nguyên nhiên liệu đối với các dự án đầu tư cho hoạt động SXSH. Rà soát lại các văn bản liên quan và chỉnh sửa bổ sung kịp thời, biên độ thời gian nên kéo dài đến năm 2030.

Thứ tư, tăng cường hơn nữa hỗ trợ tư vấn của Nhà nước đối với hoạt động SXSH cho các doanh nghiệp công nghiệp thực hiện các biện pháp SXSH trong doanh nghiệp. Nhất là đánh giá, xem xét lại các chính sách khuyến công, cần chú ý tới các trung tâm khuyến công và đặc biệt là đối với các trung tâm đã và đang thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp thực hiện các giải pháp SXSH.

Thứ năm, rà soát đánh giá lại các văn bản đã có liên quan đến khuyến khích doanh nghiệp công nghiệp áp dụng các biện pháp SXSH để bổ sung kịp thời, nhất là các văn bản liên quan đến ưu đãi tiếp cận các nguồn tín dụng, ưu đãi về tài chính như thuế/phí, đất đai thuê mặt bằng hay thuế/phí sử dụng đất...nhằm huy động sự tham gia tích cực của các doanh nghiệp đối với SXSH có lợi thế cạnh tranh trên thị trường cùng loại sản phẩm.

Thứ sáu, đối với đào tạo kỹ thuật và nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp sản xuất công nghiệp. Nhà nước cần hỗ trợ đào tạo cán bộ kỹ thuật về SXSH cho

các doanh nghiệp công nghiệp để họ có thể tự đảm đương công việc trong doanh nghiệp của mình và tư vấn cho doanh nghiệp khác. Đẩy mạnh hơn nữa công tác truyền thông về SXSH trong công nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng. Nhà nước nên hỗ trợ toàn bộ cho công tác truyền thông này.

Thứ bảy, đẩy mạnh hơn nữa hợp tác quốc tế không chỉ đối với các đối tác truyền thống trước đây như UNIDO, UNDP...mà còn mở rộng những tổ chức tài chính mới, nhất là liên quan đến nguồn tài chính giảm thiểu tác động BĐKH của các quốc gia và tổ chức quốc tế nhằm thực hiện nội dung giảm thiểu khí nhà kính trong quá trình thực hiện các giải pháp SXSH trong công nghiệp.

Sản xuất sạch hơn là vấn đề không mới, tuy nhiên kể từ khi thực hiện ở Việt Nam đến nay, nhất là từ năm 2009 trên, từ thời điểm triển khai thực hiện Quyết định số 1419, Nhà nước đã chính thức có một Chiến lược và năm đề án kèm theo để thực hiện Chiến lược này, cùng với đó là nhiều cơ chế, chính sách khác cũng hướng tới khuyến khích phát triển SXSH. Quá trình thực hiện đã triển khai ở nhiều ngành và lĩnh vực công nghiệp quan trọng, đã có nhiều doanh nghiệp điển hình thực hiện các biện pháp SXSH hiệu quả. Tuy nhiên, quá trình thực hiện và kết quả đạt được chưa đáp ứng mục tiêu và yêu cầu của Chiến lược SXSH trong công nghiệp đến năm 2020, cần phải tiếp tục có những giải pháp tốt hơn về cơ chế chính sách của Nhà nước nhằm khuyến khích các doanh nghiệp công nghiệp thực hiện các biện pháp SXSH.■